

BẢN CHI TIẾT SẢN PHẨM

Sarnafil® S 327-15 L

MÀNG CHỐNG THẤM GỐC PVC SỬ DỤNG CHO HỆ MÁI KIM LOẠI

MÔ TẢ

Sarnafil® S 327-15 L (chiều dày 1.5 mm) là màng chống thấm mái tổng hợp nhiều lớp, được gia cường bằng sợi polyester, trên nền polyvinyl clorua (PVC) có chứa chất ổn định tia cực tím (UV) theo tiêu chuẩn EN 13956/GB 12952. Sarnafil® S 327-15 L là màng chống thấm mái có thể hàn bằng khí nóng, được thiết kế để sử dụng trực tiếp ngoài trời và thích hợp cho mọi điều kiện khí hậu trên toàn thế giới.

ỨNG DỤNG

Sarnafil® S 327-15 L phải được thi công bởi các nhà thầu đã có kinh nghiệm.

Màng chống thấm cho:

- Hệ mái kim loại cố định cơ học.

ĐẶC TÍNH/ ƯU ĐIỂM

- Hiệu quả đã được chứng minh qua nhiều thập kỷ.
- Bề mặt có lớp phủ sơn bóng.
- Chống tia UV lâu dài.
- Chống lại tác động gió liên tục.
- Kháng được các tác nhân môi trường thông thường.
- Có thể hàn bằng khí nóng.
- Không cần thiết bị khò lửa.
- Độ thoát hơi nước cao.
- Có thể tái chế.

TÍNH BỀN VỮNG

- Phù hợp với LEED v4 SSc 5 (Tùy chọn 1): Giảm hiệu ứng đảo nhiệt đô thị – Mái (chỉ áp dụng cho màu trắng).
- Phù hợp với LEED v4 MRC 3 (Tùy chọn 2): Công bố và tối ưu hóa sản phẩm xây dựng – Nguồn nguyên liệu.
- Phù hợp với LEED v4 MRC 4 (Tùy chọn 2): Công bố và tối ưu hóa sản phẩm xây dựng – Thành phần vật liệu (chỉ áp dụng cho màu xám nhạt và trắng).

SỰ PHÊ CHUẨN / TIÊU CHUẨN

- GB 12952, Sarnafil® S 327-15 L, Báo cáo thử nghiệm số RS19-21.
- Có chứng nhận CE và Tuyên bố hiệu suất (DoP) theo tiêu chuẩn EN 13956 – Màng polymer chống thấm mái.

THÔNG TIN SẢN PHẨM

Gốc hoá học	Polyvinyl Chloride (PVC)	
Đóng gói	Sarnafil® S 327-15 L được bọc riêng lẻ bằng màng PE màu xanh.	
	Đơn vị đóng gói	Tham khảo bảng giá
	Chiều dài cuộn	20,00 m
	Chiều rộng cuộn	2,00 m
	Khối lượng cuộn	78,00 kg

Ngoại quan / Màu sắc	Bề mặt	Mờ
	Màu sắc	
	Mặt trên	Trắng
	Mặt dưới	Xám đậm
	Mặt trên của màng có thể đặt màu khác theo yêu cầu, tùy thuộc vào số lượng đặt hàng tối thiểu.	
Hạn sử dụng	10 năm kể từ ngày sản xuất.	
Điều kiện lưu trữ	Sản phẩm phải được bảo quản trong bao bì gốc, còn nguyên vẹn, kín và không bị hư hại, trong điều kiện khô ráo, nhiệt độ từ +5 °C đến +30 °C. Bảo quản nằm ngang, không xếp chồng các pallet cuộn lên nhau hoặc dưới các pallet vật liệu khác trong quá trình vận chuyển và lưu trữ. Luôn tham khảo hướng dẫn trên bao bì.	
Công bố sản phẩm	EN 13956 Màng polyme chống thấm mái GB 12952 Dạng P	
Các khiếm khuyết nhìn thấy	Đạt	(EN 1850-2)
Chiều dài	20 m (-0 % / +5 %)	(EN 1848-2)
Chiều rộng	2 m (-0,5 % / +1 %)	(EN 1848-2)
Chiều dày có ích	1,5 mm (-5 % / +10 %)	(EN 1849-2)
Độ thẳng	≤ 30 mm	(EN 1848-2)
Độ phẳng	≤ 10 mm	(EN 1848-2)
Khối lượng trên đơn vị diện tích	1,9 kg/m ² (-5 % / +10 %)	(EN 1849-2)

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Khả năng kháng tác động	Nền cứng	≥ 600 mm	(EN 12691)
	Nền mềm	≥ 900 mm	
Khả năng kháng mưa đá	Nền cứng	≥ 25 m/s	(EN 13583)
	Nền mềm	≥ 30 m/s	
Khả năng kháng tĩnh tải	Nền cứng	≥ 20 kg	(EN 12730)
	Nền mềm	≥ 20 kg	
Cường độ kéo	Theo phương dọc (md) ¹⁾	≥ 1000 N/50 mm	(EN 12311-2)
	Theo phương ngang (cmd) ²⁾	≥ 1000 N/50 mm	
	¹⁾ md = hướng máy dọc ²⁾ cmd = hướng máy ngang		
Độ giãn dài	Theo phương dọc (md) ¹⁾	≥ 12 %	(EN 12311-2)
	Theo phương ngang (cmd) ²⁾	≥ 12 %	
	¹⁾ md = hướng máy dọc ²⁾ cmd = hướng máy ngang		
Sự ổn định kích thước	Theo phương dọc (md) ¹⁾	≤ 0,4 %	(EN 1107-2)
	Theo phương ngang (cmd) ²⁾	≤ 0,4 %	
	¹⁾ md = hướng máy dọc ²⁾ cmd = hướng máy ngang		
Cường độ xé	Theo phương dọc (md) ¹⁾	≥ 200 N	(EN 12310-2)
	Theo phương ngang (cmd) ²⁾	≥ 200 N	
	¹⁾ md = hướng máy dọc ²⁾ cmd = hướng máy ngang		

Khả năng kháng tách mối nối	Dạng hư hỏng: C, không hư hỏng tại mối nối				(EN 12316-2)
Khả năng kháng cắt của khe	≥ 800 N/50 mm				(EN 12317-2)
Khả năng chịu uốn ở nhiệt độ thấp	≤ -25 °C				(EN 495-5)
Hiệu suất cháy bên ngoài	B _{ROOF} (t1) < 20°				(EN 1187) (EN 13501-5)
Phản ứng với lửa	Loại E (EN ISO 11925-2, Phân loại theo tiêu chuẩn EN 13501-1)				
Khả năng kháng tia UV	Đạt (> 5000 h / Cấp 0)				(EN 1297)
Sự truyền hơi ẩm	μ = 15 000				(EN 1931)
Độ kín nước	Đạt				(EN 1928)
Phản xạ năng lượng mặt trời	Màu	Ban đầu	Sau 3 năm lão hóa	Viện thử nghiệm Intertek	(ASTM C 1549)
	Trắng	0,844	0,702		
Sự phát xạ nhiệt	Màu	Ban đầu	Sau 3 năm lão hóa	Viện thử nghiệm Intertek	(ASTM C 1371)
	Trắng	0,85	0,88		
Chỉ số phản xạ năng lượng mặt trời	Màu	Ban đầu			(ASTM E 1980)
	Trắng	108			
	Màu	Ban đầu	Sau 3 năm lão hóa	Viện thử nghiệm Intertek	(ASTM E 1980)
	Trắng	104	85		

THÔNG TIN THI CÔNG

Nhiệt độ môi trường	Tối thiểu -20°C . / Tối đa $+60^\circ \text{C}$.
Nhiệt độ bề mặt	Tối thiểu -30°C . / Tối đa $+60^\circ \text{C}$.

THÔNG TIN HỆ THỐNG

Kết cấu hệ thống	Các sản phẩm dưới đây nên được xem xét sử dụng dựa trên thiết kế mái: ▪ Sarnafil® G 410-15 L dùng cho chi tiết xử lý ▪ Sarnafil® Metal Sheet PVC ▪ Sarnabar® / Sarnafast® / S-U Bar ▪ S-Welding Cord PVC ▪ Sarnacol® 2170 (keo dán tiếp xúc) ▪ Sarna Seam Cleaner ▪ Sarna Cleaner Phụ kiện đi kèm: Các chi tiết đúc sẵn, phễu thoát mái, ống thoát nước (scuppers), tấm lối đi (walkway pad), profile trang trí, và lớp bảo vệ bề mặt.
Sự tương thích	Không tương thích khi tiếp xúc trực tiếp với bitum, hắc ín (tar), dầu mỡ, dung môi, và các vật liệu nhựa khác như: Xốp polystyrene giãn nở (EPS), Xốp polystyrene ép đùn (XPS), Polyurethane (PUR), Polyisocyanurate (PIR), Foam phenolic (PF).

THÔNG TIN CƠ BẢN CỦA SẢN PHẨM

Tất cả thông số kỹ thuật trong tài liệu này đều dựa trên kết quả ở phòng thí nghiệm. Các dữ liệu đo thực tế có thể khác tùy theo trường hợp cụ thể.

TÀI LIỆU CHI TIẾT HƠN

Thi công

- Hướng dẫn thi công hàn khí nóng cho vật liệu PVC/TPO.

CHÚ Ý QUAN TRỌNG

Việc thi công chỉ được thực hiện bởi nhà thầu đã được Sika® đào tạo và cấp chứng chỉ thi công, có kinh

Bản chi tiết sản phẩm

Sarnafil® S 327-15 L

Tháng Mười Một 2025, Hiệu đính lần 01.01

020905012000155003

BUILDING TRUST



nghiệm thị công dạng vật liệu này.

- Đảm bảo Sarnafil® S 327-15 L không tiếp xúc trực tiếp với các vật liệu không tương thích (tham khảo mục “Tương thích vật liệu”).
- Việc sử dụng màng Sarnafil® S 327-15 L chỉ giới hạn tại các khu vực có nhiệt độ trung bình tối thiểu hàng tháng không thấp hơn -50 °C, và nhiệt độ môi trường sử dụng thường xuyên không vượt quá +50 °C.
- Một số sản phẩm phụ trợ như keo dán, dung dịch vệ sinh hoặc dung môi chỉ được sử dụng ở nhiệt độ trên +5 °C. Vui lòng tuân thủ giới hạn nhiệt độ trong Bản Chi Tiết Sản Phẩm (PDS) tương ứng.
- Cần áp dụng biện pháp đặc biệt khi thi công dưới +5 °C theo yêu cầu an toàn của quy định quốc gia.
- Sarnafil® S 327-15 L phải được trải tự do, không kéo giãn hoặc thi công trong tình trạng căng.
- Nước đọng trên mái không ảnh hưởng đến hiệu suất của màng.

SINH THÁI HỌC, SỨC KHOẺ VÀ AN TOÀN

Khi thi công (hàn) trong không gian kín, phải đảm bảo có hệ thống thông gió hoặc lưu thông không khí tươi.

HƯỚNG DẪN THI CÔNG

DỤNG CỤ THI CÔNG

Hàn nóng các mối nối chồng

Sử dụng thiết bị hàn khí nóng bằng điện, như máy hàn cầm tay và con lăn ép hoặc máy hàn tự động có khả năng kiểm soát nhiệt độ khí nóng tối thiểu +600 °C.

Thiết bị khuyến nghị:

- Thủ công: Leister Triac.
- Tự động: Sarnamatic 681, Leister Varimat.
- Bán tự động: Leister Triac Drive.

CHẤT LƯỢNG BỀ MẶT

Bề mặt nền phải phẳng, đồng đều, không có gờ sắc nhọn hoặc ba vĩa.

Sarnafil® S 327-15 L cần được cách ly khỏi các vật liệu hoặc bề mặt không tương thích bằng một lớp ngăn cách hiệu quả để tránh hiện tượng lão hóa sớm. Lớp nền hoặc lớp đỡ phải tương thích với màng, bề mặt không dung môi, sạch, khô, không dính dầu mỡ và bụi bẩn. Đối với bề mặt kim loại, cần tẩy dầu mỡ bằng Sarna Cleaner trước khi thi công keo dán.

THI CÔNG

Quy trình thi công

Phải tuân thủ nghiêm ngặt quy trình thi công được quy định trong hướng dẫn thi công, sổ tay thi công và hướng dẫn làm việc, đồng thời cần điều chỉnh phù hợp với điều kiện thực tế tại công trường.

Phương pháp cố định – Tổng quan

Màng chống thấm được trải tự do (không kéo giãn hoặc thi công trong trạng thái căng) và cố định cơ học tại các mối chồng mí hoặc độc lập khỏi mối chồng mí. Các mối nối chồng được hàn nóng bằng thiết bị khí nóng chuyên dụng.

Phương pháp cố định tuyến tính

Trải màng Sarnafil® S 327-15 L và chồng mí 80 mm, sau

đó hàn ngay lập tức. Cố định màng vào kết cấu nền bằng Sarnabar® và các phụ kiện cố định đi kèm. Loại phụ kiện và khoảng cách cố định sẽ được Sika khuyến nghị theo tính toán cụ thể cho từng dự án. Các đầu thanh cố định ở khu vực chu vi phải được gia cố bằng Sarnabar® Load Distribution Plate. Đặt thêm một đoạn Sarnafil® S 327-15 L dưới đầu thanh và tấm ép để bảo vệ. Chừa khe hở 10 mm giữa các đầu thanh, không cố định tại lỗ gần đầu thanh nhất. Phủ kín đầu thanh bằng một đoạn Sarnafil® S 327-15 L và hàn lại. Sau khi thi công, phải làm kín chống thấm ngay bằng dải phủ Sarnafil® S 327-15 L lên trên thanh Sarnabar®. Tại các chân tường đứng, mép mái và vị trí xuyên mái, màng Sarnafil® S 327-15 L phải được cố định bằng Sarnabar®. Dây hàn S-Welding Cord đường kính 4 mm có tác dụng bảo vệ lớp màng mái khỏi bị xé hoặc bóc do gió hút.

Phương pháp cố định điểm

Sarnafil® S 327-15 L luôn được lắp đặt vuông góc với hướng tấm deck mái. Cố định bằng Sarnafast® và vòng ép / ống có gờ (barbed washers/tubes) dọc theo đường đánh dấu cách mép màng 35 mm. Màng được chồng mí 120 mm. Khoảng cách cố định được xác định theo tính toán cụ thể của Sika cho từng dự án. Tại các chân tường, mép mái và vị trí xuyên mái, màng Sarnafil® S 327-15 L phải được cố định bằng Sarnabar® hoặc S-U Bar. Dây S-Welding Cord Ø4 mm được dùng để bảo vệ màng khỏi hiện tượng bóc tách do gió hút.

Phương pháp cố định mặt phẳng (Sarnaweld hoặc Rhinobond)

Sarnafil® S 327-15 L được cố định bằng hệ thống hàn cảm ứng (induction welding) với đĩa Sarnadisc có lớp phủ keo nóng chảy và vít Sarnafast®, theo hướng dẫn cụ thể của dự án. Màng được chồng mí 80 mm. Khoảng cách giữa các điểm cố định được xác định theo tính toán cụ thể của Sika. Tại chân tường và vị trí xuyên mái, Sarnafil® S 327-15 L phải được cố định bằng Sarnabar® hoặc S-U Bar. Dây S-Welding Cord Ø4 mm giúp bảo vệ màng khỏi bị xé hoặc bóc do gió hút.

Phương pháp hàn nóng

Các mối nối chồng phải được hàn bằng thiết bị hàn điện khí nóng. Các thông số hàn như nhiệt độ, tốc độ máy, lưu lượng khí, áp lực và cài đặt thiết bị cần được kiểm tra, điều chỉnh và xác nhận tại công trường dựa trên loại thiết bị và điều kiện khí hậu trước khi bắt đầu thi công.

Kiểm tra mối hàn chồng

Các mối hàn cần được kiểm tra cơ học bằng tua vít (đầu tròn) để đảm bảo độ kín và tính toàn vẹn của mối hàn. Nếu phát hiện bất kỳ khuyết điểm nào, phải sửa lại bằng hàn khí nóng.

GIỚI HẠN ĐỊA PHƯƠNG

Lưu ý rằng tùy theo kết quả yêu cầu từng địa phương riêng biệt mà tính năng sản phẩm có thể thay đổi từ nước này sang nước khác. Vui lòng xem tài liệu kỹ thuật sản phẩm địa phương để biết mô tả chính xác về khu vực thi công.

LƯU Ý PHÁP LÝ

Thông tin, và đặc biệt là các khuyến nghị liên quan đến việc thi công và sử dụng cuối cùng của các sản phẩm Sika, được đưa ra một cách thiện chí dựa trên kiến thức và kinh nghiệm hiện tại của Sika về các sản phẩm khi được lưu trữ đúng cách, được xử lý và áp dụng trong điều kiện bình thường theo khuyến nghị của Sika. Trong thực tế, sự khác biệt về vật liệu, bề mặt nền và điều kiện địa điểm thực tế dẫn đến việc không có bảo đảm nào về khả năng bán được hoặc sự phù hợp cho một mục đích cụ thể cũng như bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào phát sinh từ bất kỳ mối quan hệ pháp lý nào, có thể được suy ra từ thông tin này, hoặc từ bất kỳ khuyến nghị bằng văn bản nào hoặc từ bất kỳ lời khuyên nào khác được đưa ra. Người sử dụng sản phẩm phải kiểm tra sự phù hợp của sản phẩm đối với ứng dụng và mục đích dự định hay không. Sika có quyền thay đổi các đặc tính của sản phẩm của mình. Quyền sở hữu của bên thứ ba phải được được tôn trọng. Tất cả các đơn đặt hàng được chấp nhận theo các điều khoản bán hàng và giao hàng hiện tại của chúng tôi. Người dùng cần tham khảo phiên bản mới nhất của Tài liệu Sản phẩm địa phương dành cho sản phẩm liên quan. Các Tài liệu Sản phẩm này có sẵn trên trang web của chúng tôi. Thông tin trong bất kỳ phiên bản nào người dùng đã tải xuống chỉ có giá trị tại thời điểm tải.

Công ty Sika Hữu Hạn Việt Nam

Khu Công Nghiệp Nhơn Trạch 1
Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai, Việt Nam
Tel: (84-251) 3560 700
Fax: (84-251) 3560 699
sikavietnam@vn.sika.com
vnm.sika.com



Bản chỉ tiết sản phẩm

Sarnafil® S 327-15 L

Tháng Mười Một 2025, Hiệu đính lần 01.01
020905012000155003

SarnafilS327-15L-vi-VN-(11-2025)-1-1.pdf

